TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS – ST
Ngày: 20 –02 - 2019
"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* **ông Nguyễn Mạnh Hùng**– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn: chị Lê Thị Kim P, sinh năm: 1973 (có mặt);
Trú tại: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T; sinh năm: 1981(có mặt)
Và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985 (có mặt)
Trú tại: Thôn A1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2018, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Kim P trình bày:

Vào ngày 01/02/2016, chị có cho vợ chồng anh chị Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị H vay số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 01/3/2016. Thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 4%/tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền, anh T có ký tên trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì anh T chị H không trả tiền cho chị, chị đã đòi nhiều lần nhưng anh T chị H cứ khất lần không trả. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T chị H phải trả cho chị số tiền 150.000.000đ và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Ngoài ra,chị không yêu cầu gì thêm.

-Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh T thống nhất trình bày: Vợ chồng anh chị đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn chị P. Vào ngày 01/02/2016, anh chị có vay chị P số tiền 150.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy tay, thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 01/3/2016. Thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 4%/tháng. Mục đích vay tiền là do anh chị làm ăn phát triển kinh tế gia đình, do anh chị làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả đầy đủ cho chị P.

Đến nay anh chị đã trả cho chị P số tiền 120.000.000đ. Đối với số tiền vay gốc của chị P 150.000.000đ thì hiện nay anh chị đồng ý trả tiền lãi cho chị P theo lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày vay đến nay là 90.000.000đ, anh chị yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số tiền mà anh đã trả cho chị P 120.000.000đ, như vậy còn dư lại của anh chị là 30.000.000đ thì anh chị yêu cầu được trừ tiếp vào tiền gốc mà vợ chồng anh chị còn nợ chị P. Như vậy, hiện nay, vợ chồng anh chị đồng ý trả chị P số tiền nợ gốc 120.000.000đ. Nhưng anh chị xin trả dần, vì không có khả năng trả chị P một lần ngay số tiền này.

-Nguyên đơn chị P trình bày: Hiện nay, chị đồng ý với số tiền mà anh T chị H đã trả chị 120.000.000đ nhưng trong đó là 90.000.000đ tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 01/02/2016 đến nay là 03 năm với mức lãi suất 20%/năm là 90.000.000đ, còn 30.000.000đ trừ vào tiền gốc 150.000.000đ, như vậy chị đồng ý là hiện nay chị yêu cầu anh T chị H phải liên đới trả chị số tiền 120.000.000đ. Chị không yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên, chị không đồng ý cho anh T chị H trả dần mà chị yêu cầu anh T chị H phải trả cho chị ngay số tiền 120.000.000đ. Tại phiên tòa chị rút một phần yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện ngày 24/8/2018 đối với số tiền gốc 30.000.000đ mà anh T chị H đã trả cho anh chị và chị rút yêu cầu tính lãi suất.

-Tại phiên tòa đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: chị Lê Thị Kim P khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H cư trú tại Thôn A1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền vay vào ngày 01/02/2016 số tiền 120.000.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Điều 474 của Bộ

luật dân sự năm 2005 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim P yêu cầu chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh T phải liên đới trả số tiền nợ gốc 120.000.000đ:

Tại phiên tòa bị đơn anh T và chị H thống nhất xác nhận vào ngày 01/02/2016 thì vợ chồng anh chị có vay chị P số tiền 150.000.000đ, khi vay có viết giấy vay tiền hẹn đến ngày 01/3/2016 sẽ trả. Hiện nay, bị đơn chị H anh T chỉ đồng ý trả số tiền 120.000.000đ cho chị P. Lý do, vợ chồng anh chị đã trả cho chị P số tiền 120.000.000đ (trong đó tiền lãi 90.000.000đ và tiền gốc 30.000.000đ) nhưng hiện nay anh chị không có tiền trả một lần mà chị xin trả dần. Tại phiên tòa nguyên đơn chị P đồng ý thống nhất số tiền nợ gốc hiện nay chị yêu cầu chị H anh T phải trả 120.000.000đ, chị đồng ý khấu trừ số tiền anh T chị H đã trả chị 90.000.000đ tiền lãi và 30.000.000đ tiền gốc, chị không tranh chấp gì số tiền lãi 90.000.000đ và tiền gốc 30.000.000đ mà anh T chị H đã trả chị. Tuy nhiên, chị yêu cầu anh T chị H phải trả chị ngay số tiền 120.000.000đ này. Xét thấy, bị đơn đã thống nhất khoản nợ với nguyên đơn mà không có sự phản đối chỉ xin được trả dần còn phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Căn cứ theo khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 quy định *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Căn cứ giấy vay tiền ngày 01/02/2016 có nội dung *" tôi tên là Nguyễn Thanh T…cùng vợ Nguyễn Thị H…có vay bà Lê Thị Kim P…số tiền 150.000.000đ…hẹn đến ngày 01/3/2016 sẽ hoản trả…".* Như vậy, chị H anh T không trả tiền đúng hạn cho chị P là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, nguyên đơn chị P yêu cầu anh T chị H phải liên đới trả số tiền 120.000.000đ là có cơ sở nên cần chấp nhận. Cần buộc anh T chị H phải liên đới trả số tiền 120.000.000đ cho chị P.

[2.2] Đối với việc nguyên đơn chị P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 30.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Tại phiên tòa chị P chỉ yêu cầu anh T chị H phải trả cho chị số tiền 120.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn anh T chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim P. Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim P số tiền là 120.000.000đ (một trăm, hai mươi triệu đồng).

[2] Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn chị P đối với bị đơn anh T chị H. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H phải nộp 6.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho chị Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ theo Biên lai thu tiền số 0022324 ngày 29/8/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lăi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lăi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà